

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ đại học
ngành Y học cổ truyền hệ chính quy**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

Căn cứ Quyết định số 334/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên trường Đại học Y khoa trực thuộc Đại học Huế thành Trường Đại học Y - Dược trực thuộc Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 581/QĐ-ĐHH ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Giám đốc Đại học Huế ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học và trình độ thạc sĩ tại Đại học Huế;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐT ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế và Nghị quyết số 28/NQ-HĐT ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế;

Căn cứ Biên bản số 3259 và 3060/BB-ĐHYD ngày 16 tháng 6 năm 2025 Họp rà soát, đánh giá, cập nhật chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Y học cổ truyền hệ chính quy;

Theo đề nghị của lãnh đạo Phòng Đào tạo đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Y học cổ truyền hệ chính quy thuộc Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và áp dụng từ khóa tuyển sinh 2025.

Điều 3. Trưởng các Phòng: Đào tạo đại học; Tổ chức, Hành chính, TT&PC; các đơn vị liên quan và các thành viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, ĐTDH.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Vũ Quốc Huy

CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 3862/QĐ-ĐHYD ngày 15 tháng 7 năm 2025 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế)

A. THÔNG TIN CHUNG

- | | |
|--|------------------------|
| 1. Tên chương trình đào tạo (Tiếng Việt) | : Y học cổ truyền |
| 2. Tên chương trình đào tạo (Tiếng Anh) | : Traditional Medicine |
| 3. Trình độ đào tạo | : Đại học |
| 4. Định hướng đào tạo | : Nghề nghiệp |
| 5. Mã ngành đào tạo | : 7720115 |
| 6. Thời gian đào tạo | : 6 năm |
| 7. Loại hình đào tạo | : Chính quy |

B. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu chung

Đào tạo Bác sĩ Y học cổ truyền có đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ pháp luật; có khả năng ứng dụng kiến thức Y học cổ truyền kết hợp với Y học hiện đại trong chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh tật; có khả năng nghiên cứu khoa học, tự học tập nâng cao trình độ đáp ứng nhu cầu chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe nhân dân và hội nhập quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi hoàn thành khóa học, học viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm:

1.2.1. Kiến thức:

PO.01. Thể hiện sự hiểu biết về kiến thức về giáo dục chính trị, Quốc phòng - An ninh, Giáo dục thể chất, ngoại ngữ và công nghệ thông tin.

PO.02. Thể hiện sự hiểu biết về kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở về Y học cổ truyền và Y học hiện đại trong hoạt động chuyên môn.

PO.03. Ứng dụng phương pháp luận, kiến thức chuyên môn về chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh của Y học cổ truyền kết hợp Y học hiện đại vào hoạt động chăm sóc sức khỏe và nghiên cứu khoa học.

1.2.2. Kỹ năng:

PO.04. Thực hiện được kỹ năng khám, chẩn đoán và điều trị được các vấn đề sức khỏe thường gặp theo Y học cổ truyền kết hợp với Y học hiện đại.

PO.05. Xây dựng được kế hoạch dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu bằng Y học cổ truyền kết hợp với Y học hiện đại.

PO.06. Ứng dụng nghiên cứu khoa học trong thực hành chăm sóc sức khỏe theo Y học cổ truyền kết hợp Y học hiện đại; học tập suốt đời cho phát triển nghề nghiệp.

1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

PO.07. Thể hiện được khả năng giao tiếp và hợp tác hiệu quả trong giải quyết các vấn đề sức khỏe bằng Y học cổ truyền kết hợp Y học hiện đại.

PO.08. Thể hiện được tác phong hành nghề chuyên nghiệp dựa trên những chuẩn mực đạo đức và pháp luật.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
1	Kiến thức	
1.1	Kiến thức chung trong toàn Đại học Huế	
PLO1	Thể hiện sự hiểu biết về kiến thức về giáo dục chính trị, Quốc phòng - An ninh, Giáo dục thể chất, ngoại ngữ và công nghệ thông tin.	III
PI1	Thể hiện sự hiểu biết về kiến thức về giáo dục chính trị, Quốc phòng - An ninh, Giáo dục thể chất.	
PI2	Thể hiện sự hiểu biết về ngoại ngữ để cập nhật kiến thức trong lĩnh vực Y học cổ truyền.	
PI3	Tổng hợp được kiến thức công nghệ thông tin để đáp ứng trình độ năng lực số trong lĩnh vực Y học cổ truyền.	
1.2	Kiến thức chung theo lĩnh vực, đơn vị đào tạo	
PLO2	Thể hiện sự hiểu biết về kiến thức khoa học cơ bản, cơ sở và chuyên ngành gần trong hoạt động chuyên môn.	III
PI4	Tổng hợp được kiến thức khoa học cơ bản trong thực hành lâm sàng Y học cổ truyền.	
PI5	Thể hiện sự hiểu biết về kiến thức cơ sở và chuyên ngành gần trong thực hành lâm sàng Y học cổ truyền.	
1.3	Kiến thức chung cho nhóm ngành	
PLO3	Phân tích, tổng hợp kiến thức cơ bản về y học cơ sở của y học cổ truyền và y học hiện đại làm nền tảng trong hoạt động khoa học sức khỏe.	III
PI6	Trình bày và giải thích được các kiến thức cơ bản về y học cổ truyền và y học hiện đại.	
PI7	Phân tích, tích hợp giữa kiến thức y học cổ truyền và y học hiện đại trong hoạt động khoa học sức khỏe.	
PI8	Tổng hợp kiến thức cơ bản của YHCT và YHHĐ vào phân tích vấn đề sức khỏe.	
1.4	Kiến thức ngành/ chuyên ngành và bổ trợ	
PLO4	Tổng hợp kiến thức chuyên môn các chuyên ngành gần trong điều trị các bệnh lý theo Y học cổ truyền.	III
PI9	Thể hiện sự hiểu biết về kiến thức các chuyên ngành gần để hỗ trợ chẩn đoán và điều trị bệnh lý trong lĩnh vực khoa học sức khỏe.	
PI10	Tích hợp được kiến thức chuyên ngành gần trong theo dõi và đánh giá hiệu quả điều trị YHCT.	
1.5.	Kiến thức thực tập và tốt nghiệp/ Luận văn	
PLO5	Tổng hợp kiến thức chuyên môn Y học cổ truyền trong phòng và điều trị một số bệnh lý thông thường và nghiên cứu khoa học.	III
PI11	Thể hiện sự hiểu biết về kiến thức chuyên môn Y học cổ truyền trong lĩnh vực khoa học sức khỏe.	
PI12	Phân tích, tổng hợp được kiến thức chuyên môn YHCT trong đề xuất hoặc triển khai nghiên cứu khoa học.	
2	Kỹ năng	
2.1	Kỹ năng lập luận tư duy, tư duy hệ thống và giải quyết vấn đề	
PLO6	Thực hiện được khả năng lập luận, tư duy trong chẩn đoán, điều trị, tư vấn và lập kế hoạch dự phòng được các bệnh thường gặp bằng YHCT, YHCT tích hợp YHHĐ.	IV
PI13	Vận dụng tư duy lâm sàng để chẩn đoán và điều trị các bệnh thường gặp bằng Y học cổ truyền tích hợp YHHĐ.	

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
PI14	Tư vấn và giáo dục sức khỏe cho người bệnh dựa trên kiến thức YHCT và YHHĐ.	
PI15	Phân tích, lập kế hoạch dự phòng bệnh dựa trên kiến thức YHCT và YHHĐ phù hợp với từng cá nhân hoặc nhóm cộng đồng.	
PLO7	Tham gia lập kế hoạch, tổ chức và quản lý hoạt động chuyên môn	IV
PI16	Tham gia xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động chuyên môn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ sở y tế.	
PI17	Tham gia tổ chức, phối hợp nhân lực và phương tiện để triển khai hoạt động chuyên môn.	
2.2	Kỹ năng nghiên cứu và khám phá kiến thức	
PLO8	Thực hiện được nghiên cứu khoa học về một vấn đề sức khỏe thường gặp bằng YHCT kết hợp YHHĐ.	IV
PI18	Xác định được vấn đề nghiên cứu khoa học kết hợp Y học cổ truyền và Y học hiện đại.	
PI19	Phân tích, tổng hợp được báo cáo kết quả nghiên cứu và trình bày được ứng dụng vào thực tiễn lâm sàng hoặc cộng đồng.	
2.3	Kỹ năng nghề nghiệp	
PLO9	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị, tư vấn và lập kế hoạch dự phòng được các bệnh thường gặp bằng YHCT, YHCT tích hợp YHHĐ.	IV
PI20	Thực hiện được chẩn đoán và điều trị các bệnh thường gặp bằng Y học cổ truyền tích hợp Y học hiện đại.	
PI21	Thực hiện được tư vấn và lập kế hoạch dự phòng được các bệnh thường gặp bằng YHCT, YHCT tích hợp YHHĐ.	
3	Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
3.1	Tự chủ và trách nhiệm cá nhân	
PLO10	Thể hiện được giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả, khả năng làm việc độc lập và tự học và tự nghiên cứu suốt đời.	III
PI22	Thể hiện được kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả trong môi trường y tế đa ngành.	
PI23	Thể hiện khả năng làm việc độc lập trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và ra quyết định lâm sàng.	
PI24	Thể hiện được tinh thần tự học, tự cập nhật kiến thức và tham gia nghiên cứu khoa học liên ngành phục vụ phát triển nghề nghiệp suốt đời.	
3.2	Tự chủ và trách nhiệm với nghề nghiệp	
PLO11	Thể hiện sự hiểu biết các quy định của pháp luật và đạo đức nghề nghiệp, hành nghề chuyên nghiệp.	IV
PI25	Tuân thủ đúng các quy định pháp luật trong thực hành Y học cổ truyền.	
PI26	Tuân thủ đúng chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, hành nghề chuyên nghiệp trong thực hành Y học cổ truyền.	
3.3	Tự chủ và trách nhiệm với xã hội	
PLO12	Thể hiện mức độ tự chủ và sự hiểu biết về các quy định của pháp luật trong ngành y.	IV
PI27	Thể hiện mức độ tự chủ trong việc thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn theo đúng quy định pháp luật ngành y.	
PI28	Thể hiện sự hiểu biết đầy đủ và áp dụng đúng các quy định của pháp luật liên quan đến hành nghề y.	

Ghi chú: Trình độ năng lực:

Trình độ năng lực	Mức độ đối với nhóm thang đo kiến thức (Bloom, 2001)	Mô tả
I	Nhớ	Có khả năng tìm kiếm và nhớ
II	Hiểu	Có hiểu biết/có thể tham gia
III	Vận dụng	Có khả năng vận dụng
IV	Phân tích	Có khả năng phân tích
V	Đánh giá	Có khả năng đánh giá
VI	Sáng tạo	Có khả năng sử dụng thông tin để sáng tạo cái mới

3. Cấu trúc của chương trình đào tạo

Stt	Mã học phần	Tên học phần	ĐVTC	LT	TH	Ghi chú
		I. Kiến thức giáo dục đại cương	40	34	6	
		1.1. Các môn chung:	23	23	0	
1	101.DHY.1.00.2	Giới thiệu ngành nghề, chuẩn đầu ra, phương pháp học tập trong giáo dục y học và khung năng lực số cho người học	2	2	0	Không tính vào KQHT
2	101.DHF.1.00.7	NNCB: Theo Quyết định 1492/QĐ-ĐHH ngày 16/11/2016 về chuẩn đầu ra năng lực Ngoại ngữ không chuyên	7	7	0	Không tính vào KQHT
3	101.LLCT.1.01.3	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	
4	101.LLCT.1.02.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	
5	101.LLCT.1.03.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	
6	101.LLCT.1.04.2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	
7	101.LLCT.1.05.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
8	115.DHF.1.01.3	Tiếng Trung chuyên ngành	3	3	0	
		1.2. Các môn cơ sở khối ngành:	17	11	6	
9	115.KCB.2.01.2	Sinh học tế bào	2	1	1	
10	115.KCB.2.02.2	Lý sinh	2	1	1	
11	115.KCB.2.03.2	Hóa học	2	1	1	
12	115.KCB.2.04.3	Công nghệ thông tin	3	2	1	
13	115.KCB.2.05.2	Xác suất - Thống kê y học	2	1	1	
14	115.DTR.2.01.2	Di truyền y học	2	1	1	
15	115.YCC.2.01.2	Tâm lý y học - Đạo đức y học	2	2	0	
16	115.YCC.2.02.2	Truyền thông và Giáo dục sức khỏe - Dân số học	2	2	0	
		II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	154	77	77	
		2.1. Kiến thức cơ sở ngành:	41	25	16	
17	115.MPH.3.01.3	Mô phôi	3	2	1	

Stt	Mã học phần	Tên học phần	ĐVTC	LT	TH	Ghi chú
18	115.GPH.3.01.3	Giải phẫu 1	3	2	1	
19	115.GPH.3.02.3	Giải phẫu 2	3	2	1	
20	115.SLY.3.01.3	Sinh lý	3	2	1	
21	115.SHY.3.01.3	Hóa sinh	3	2	1	
22	115.VSY.3.01.3	Vi sinh y học	3	2	1	
23	115.KST.3.01.3	Ký sinh trùng	3	2	1	
24	115.DLY.3.01.3	Dược lý	3	2	1	
25	115.GPB.3.01.2	Giải phẫu bệnh	2	1	1	
26	115.KDD.3.01.2	Điều dưỡng cơ bản	2	1	1	
27	115.SLB.3.01.3	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3	2	1	
28	115.CDH.3.01.2	Chẩn đoán hình ảnh	2	1	1	
29	115.YCC.3.03.2	Dịch tễ học	2	1	1	
30	115.YCT.3.01.2	Thực vật dược	2	1	1	
31	115.YCT.3.02.4	Lý luận cơ bản của Y học cổ truyền	4	2	2	
		2.2. Kiến thức ngành:	97	46	51	
32	115.TLS.4.03.2	Tiền lâm sàng 1 (Y học cổ truyền)	2	0	2	
33	115.TLS.4.01.2	Tiền lâm sàng 2 (Nội, Ngoại, Sản Nhi)	2	0	2	
34	115.YCC.4.04.2	Chương trình y tế quốc gia - Tổ chức & Quản lý y tế	2	2	0	
35	115.YCC.4.05.2	Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm - Sức khỏe môi trường và Sức khỏe nghề nghiệp	2	2	0	
36	115.NOI.4.01.4	Nội cơ sở	4	2	2	
37	115.NOI.4.02.4	Nội bệnh lý (Y học hiện đại)	4	2	2	
38	115.NGO.4.01.4	Ngoại cơ sở	4	2	2	
39	115.NGO.4.02.3	Ngoại bệnh lý 1 (Y học hiện đại)	3	1	2	
40	115.SAN.4.01.3	Phụ sản 1 (Y học hiện đại)	3	1	2	
41	115.NHI.4.01.3	Nhi khoa 1 (Y học hiện đại)	3	1	2	
42	115.DAL.4.01.2	Da liễu 1 (Y học hiện đại)	2	1	1	
43	115.LAO.4.01.2	Lao	2	1	1	
44	115.NOI.4.03.2	Thần kinh	2	1	1	
45	115.PHC.4.01.2	Phục hồi chức năng	2	1	1	
46	115.UBU.4.01.2	Ung thư	2	1	1	
47	115.MRT.4.01.2	Mắt, Răng Hàm Mặt, Tai mũi họng	4	1	3	
48	115.GMH.4.01.2	Hồi sức cấp cứu Y học hiện đại kết hợp Y học cổ truyền	2	1	1	
49	115.TNH.4.01.2	Truyền nhiễm	2	1	1	
50	115.TTH.4.01.2	Tâm thần	2	1	1	
51	115.YGD.4.01.2	Giáo dục liên ngành	2	1	1	

Stt	Mã học phần	Tên học phần	ĐVTC	LT	TH	Ghi chú
52	115.YCT.4.04.4	Nội bệnh lý 2 (Y học cổ truyền)	4	2	2	
53	115.YCT.4.05.2	Ngoại bệnh lý 2 (Y học cổ truyền)	2	1	1	
54	115.YCT.4.06.2	Phụ sản 2 (Y học cổ truyền)	2	1	1	
55	115.YCT.4.07.2	Nhi khoa 2 (Y học cổ truyền)	2	1	1	
56	115.YCT.4.08.4	Thuốc Y học cổ truyền	4	2	2	
57	115.YCT.4.09.2	Tác phẩm kinh điển về Y học cổ truyền Việt Nam	2	2	0	
58	115.YCT.4.10.3	Chế biến dược liệu	3	1	2	
59	115.YCT.4.11.4	Châm cứu học	4	2	2	
60	115.YCT.4.12.3	Phương tễ 1	3	1	2	
61	115.YCT.4.13.2	Phương pháp điều trị không dùng thuốc	3	1	2	
62	115.YCT.4.14.2	Thực tập cộng đồng	2	0	2	
63	115.YCT.4.15.4	Điều trị Y học cổ truyền	4	2	2	
64	115.YCT.4.16.4	Kim quỹ yếu lược và Thương hàn luận	4	2	2	
65	115.YCT.4.17.2	Phương tễ 2	2	1	1	
66	115.YCT.4.18.3	Nội kinh - Y dịch	3	2	1	
67	115.YCT.4.19.2	Tiếng Hoa & Hán văn trong Đông y	2	2	0	
		2.3. Kiến thức tự chọn:	6	2	4	
68	115.YCT.5.20.3	Da liễu 2 (Y học cổ truyền)	3	1	2	
69	115.YCT.5.21.3	Ôn bệnh - Truyền nhiễm (Y học cổ truyền)	3	1	2	
70	115.YCT.5.22.3	Bệnh học ngũ quan	3	1	2	
71	115.YCT.5.23.3	Bệnh học lão khoa Y học cổ truyền	3	1	2	
		2.4. Dự án học thuật và Tốt nghiệp:	10	4	6	
72	115.YCC.4.06.2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1	
73	115.YCT.4.24.3	Đề tài khoa học/ khóa luận	3	0	3	
74	115.YCT.4.25.3	Lý thuyết tốt nghiệp	3	3	0	
75	115.YCT.4.26.2	Thực hành tốt nghiệp	2	0	2	
		TỔNG CỘNG	194	111	83	
		III. Các học phần bổ trợ thay thế				
1	115.YCT.5.27.3	Chẩn đoán học Y học cổ truyền	3	1	2	
2	115.YCT.5.28.3	Huyết chứng luận	3	1	2	
3	115.YCT.5.29.3	Kinh dịch - Y dịch	3	1	2	
4	115.YCT.5.30.3	Xoa bóp - Dưỡng sinh	3	1	2	

Ghi chú: Trong 194 tín chỉ có 07 tín chỉ Ngoại ngữ không chuyên và 02 tín chỉ Giới thiệu ngành nghề, chuẩn đầu ra, phương pháp học tập trong giáo dục y học và khung năng lực số cho người học không tính vào trung bình chung học tập.